TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tố Như

2. Ông Hoàng Xuân Tỵ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 480/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trần Ngọc T**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Thanh T1**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Ngọc T trình bày: Bà và ông Phạm Thanh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 135 ngày 10/12/2003. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là do ông T1 thiếu trách nhiệm với gia đình, cờ bạc khiến bà phải nhiều lần trả nợ cho ông T1, hơn nữa ông T1 không chung thủy

dẫn đến tình trạng vợ chồng hay tranh cãi, thậm chí ông T1 còn đánh vợ trước mặt các con; vợ chồng đã không còn sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, cuộc sống bế tắc. Khi bà làm đơn xin ly hôn thì ông T1 đã đuổi bà ra khỏi nhà và không cho bà gặp hay nói chuyện với con chung chưa thành niên là cháu Phạm Trí T2. Hiện bà và ông T1 đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, bà xác định không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Trần Khánh U sinh ngày 10/10/2004 và Phạm Trí T2 sinh ngày 19/10/2011. Cháu U hiện đã thành niên, cháu T2 đang ở với với ông T1 vì từ tháng 7/2022 khi ông T1 đuổi bà ra khỏi nhà đã giữ lại con không cho bà trực tiếp chăm sóc cháu T2. Do đó, ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2; bà có nơi ở, công việc ổn định nên không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi cháu T2.

Về tài sản chung: Bà và ông T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Ông T1 đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cho bà T ly hôn với ông T1 vì mục đích hôn nhân không đạt; giao con chung Phạm Trí T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập; con chung Phạm Trần Khánh U hiện đã thành niên nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T1 hiện cư trú tại Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1. Hội đồng xét xử động viên bà T đoàn tụ, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng bà T kiên quyết ly hôn, không đồng ý tiếp tục cùng ông T1 chung sống vì không còn tình cảm với chồng và xác định cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được. Xét thấy qua xác minh thực tế tại chính quyền địa phương và hàng xóm thì ông T1 và bà T đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Do đó, thực trạng quan hệ hôn nhân của bà T và ông T1 đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4]. Ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Trí T2 sinh ngày 19/10/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T1 để làm việc nhưng ông T1 không hợp tác và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T cũng như việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu T2 còn nhỏ và có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc; bà T có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp, bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi cháu T2 nên không xem xét.

Con chung tên Phạm Trần Khánh U sinh ngày 10/10/2004 hiện đã thành niên và không thuộc trường hợp cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5]. Bà T xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên không đề cập.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Ngọc T ly hôn ông Phạm Thanh T1.

2. Về nuôi con chung: Ông T1 giao con chung tên Phạm Trí T2, sinh ngày 19/10/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi cháu T2.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005412 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND TP. Bảo Lộc (1);
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc (1);
- UBND Phường A, TP. B, T. Lâm Đồng (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc